

Số: 1134/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 235 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 32 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 (2013 – 2017)	K56 (2014 – 2018)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Kinh doanh thương mại	02	01	02	74	79
2	Kinh tế	-	-	01	18	19
3	Marketing	-	-	-	47	47
4	Quản trị kinh doanh	01	-	10	79	90

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 (2015-2018)	K58 (2016-2019)	K59 (2017-2020)	Cộng
1	Kinh doanh thương mại	01	02	26	29
2	Quản trị kinh doanh	03	-	-	03

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Kinh tế và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.





DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
Theo Quyết định số 1134 /QĐ-ĐHNT ngày 22 tháng 9 năm 2020
Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55133250	Lê Khắc Lãm	02/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KDTM	2013-2017
2	55133632	Lê Quang Minh	13/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KDTM	2013-2017
3	56132291	Nguyễn Thanh Thiên An	27/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.KDTM-1	2014-2018
4	57131177	Hoàng Nguyễn Mỹ Linh	23/12/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
5	57131444	Trần Thị Anh Phuong	10/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.KDTM-2	2015-2019
6	58130646	Hoàng Ngọc Quế Chi	11/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
7	58130661	Cao Nữ Diễm Đào	08/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KDTM-1	2016-2020
8	58130654	Kiều Phước Duy	03/03/1997	Phú Yên	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
9	58130658	Trương Thị Mỹ Duyên	03/10/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
10	58133160	Phạm Thị Mỹ Duyên	12/02/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
11	58130669	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	29/09/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
12	58130672	Nguyễn Hậu	22/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
13	58133030	Trần Thị Bích Hiền	12/07/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
14	58135675	Văn Thị Hoa	10/02/1998	Nghệ An	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
15	58130677	Nguyễn Thị Huệ	12/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
16	58130678	Nguyễn Thanh Huy	05/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
17	58130681	Từ Nguyên Phương Huyền	24/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
18	58130687	Lê Thiên Lập	26/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
19	58130695	Nguyễn Thị Ngọc Ly	05/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
20	58130259	Lê Ngọc Trà My	30/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
21	58131143	Phan Thị Diễm My	04/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
22	58130701	Võ Thị Bích Ngà	27/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
23	58130711	Nguyễn Đông Hoài Nhi	10/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
24	58130713	Nguyễn Thị Ánh Nhi	20/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
25	58130715	Nguyễn Thị Mẫn Nhi	10/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
26	58130699	Mai Thị Lệ Ny	03/03/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
27	58130719	Trịnh Tấn Phong	16/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
28	58133167	Nguyễn Thị Kim Sáng	29/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
29	58130729	Võ Thị Thanh Tâm	26/01/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
30	58130741	Đỗ Thị Kim Thanh	08/06/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
31	58130743	Lương Đăng Bảo Thi	12/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
32	58130751	Nguyễn Ái Thư	28/02/1998	Thái Bình	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
33	58130753	Phạm Ngọc Anh Thư	25/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
34	58130616	Lê Trung Tín	08/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
35	58130758	Nguyễn Thị Bảo Trân	20/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
36	58130757	Nguyễn Minh Trang	23/12/1997	Lạng Sơn	Nữ	Trung bình	58.KDTM-1	2016-2020
37	58130736	Nguyễn Minh Tuấn	02/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
38	58130738	Võ Thị Kim Tuyền	08/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
39	58130765	Lê Thị Thu Uyên	27/04/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
40	58130768	Trần Thị Tuyết Vân	02/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
41	58130769	Lê Nhật Vi	19/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
42	58133172	Lê Thanh Vy	07/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-1	2016-2020
43	58130639	Trần Thị Thủy	02/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
44	58135645	Lê Thị Bảo	07/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
45	58130648	Phan Nguyễn Mỹ	30/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
46	58130649	Lê Thị Ngọc	10/08/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
47	58130548	Đinh Thị Mỹ	15/12/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
48	58130659	Võ Thị Mỹ	02/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
49	58130671	Ngô Mai Ngọc	19/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
50	58130676	Phan Anh	07/04/1997	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KDTM-2	2016-2020
51	58133164	Trần Văn	02/04/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
52	58130679	Trương Gia	28/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
53	58130686	Nguyễn Thị Kim	16/09/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58.KDTM-2	2016-2020
54	58130688	Nguyễn Lương Trúc	24/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
55	58130690	Lương Thị Thùy	02/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
56	58130693	Trần Thị Mỹ	05/01/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.KDTM-2	2016-2020
57	58130702	Đỗ Thị Kim	28/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
58	58130708	Nguyễn Thị Thanh	09/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
59	58132582	Đinh Thị Mỹ	17/06/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
60	58130717	Võ Thị Phương	22/03/1998	Gia Lai	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
61	58130724	Nguyễn Hoàng Nhật	21/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
62	58130269	Nguyễn Như	09/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
63	58130727	Lưu Thị Diễm	10/11/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
64	58130742	Nguyễn Thị Bích	26/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KDTM-2	2016-2020
65	58133169	Huỳnh Thị Nhật	15/12/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
66	58130744	Nguyễn Thị Hoài	24/01/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
67	58133413	Nguyễn Thị Chung	24/01/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
68	58133095	Nguyễn Thị Hoà	04/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
69	58130750	Nguyễn Ngọc	20/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
70	58130749	Nguyễn Hồng	19/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
71	58130732	Phùng	23/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
72	58132667	Nguyễn Hà Thanh	05/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
73	58130760	Đặng Thị Mai	01/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
74	58130763	Nguyễn Thị Kiều	18/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
75	58130739	Đinh Thị	16/06/1997	Bình Định	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
76	58130767	Nguyễn Bá	09/09/1998	Thái Bình	Nam	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
77	58130772	Lâm Bích	13/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
78	58130775	Phan Võ Lệ	07/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
79	58130777	Trần Đỗ Võ	10/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020

Danh sách có 79 sinh viên

2. Kinh tế

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57132008	Đặng Thị Thanh	03/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KTNN	2015-2019
2	58132812	Nguyễn Thị Nhật	02/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
3	58132813	Lê Nguyễn Quốc	25/05/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.KTNN	2016-2020
4	58132816	Huỳnh Hồng	20/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020

Handwritten signature



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
5	58132818	Nguyễn Thị Bích Diễm	25/11/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
6	58132820	Nguyễn Thị Hà	24/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
7	58132821	Nguyễn Thu Hà	14/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
8	58132823	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	11/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
9	58139090	Nguyễn Hữu Khang	09/09/1998	Bình Thuận	Nam	Khá	58.KTNN	2016-2020
10	58132830	Trần Thị Loan	08/12/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
11	58133368	Nguyễn Diêu Bích Ngân	30/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
12	58132841	Trần Thị Kim Oanh	05/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
13	58132842	Nguyễn Hồng Phúc	13/10/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.KTNN	2016-2020
14	58132845	Nguyễn Ngọc Tuyết Quyên	15/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
15	58132848	Nguyễn Duy Thọ	29/12/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTNN	2016-2020
16	58132850	Tăng Đặng Như Thuần	15/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTNN	2016-2020
17	58133369	Phùng Thị Ngọc Trang	26/05/1998	Hà Nội	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
18	58132853	Trần Thị Mỹ Trinh	06/06/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020
19	58132856	Nguyễn Đăng Hoài Vy	28/08/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KTNN	2016-2020

Danh sách có 19 sinh viên

3. Marketing

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58130638	Nguyễn Hoàng Bảo	An	25/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
2	58130541	Trương Thị Ngọc	Ánh	10/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
3	58130543	Nguyễn Thị Minh	Châu	25/12/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
4	58130549	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/05/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
5	58130554	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	22/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
6	58130555	Trần Thị Thanh	Hà	01/04/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.MARKT	2016-2020
7	58130559	Lê Thị Phương	Hằng	28/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
8	58130560	Ngô Thị Thanh	Hằng	22/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
9	58130563	Lê Thị Thu	Hiền	16/06/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
10	58130565	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	24/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
11	58130568	Nguyễn Thị	Hòa	12/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
12	58130569	Nguyễn Thị Linh	Huệ	19/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
13	58131133	Nguyễn Thanh	Hưng	15/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.MARKT	2016-2020
14	58130571	Nguyễn Thị Thanh	Hương	24/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
15	58130573	Lê Ngọc	Lan	16/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
16	58130578	Võ Thị Trúc	Linh	27/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
17	58130070	Đặng Thị Kiều	Loan	10/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
18	58130580	Trần Thị Thu	Lợi	21/03/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
19	58130581	Nguyễn Khắc Quỳnh	Ly	23/09/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
20	58132832	Đoàn Thị Minh	Lý	04/06/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
21	58130584	Nguyễn Hoàng Uyên	Mi	20/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
22	58130586	Nguyễn Thị Thúy	Nga	17/03/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
23	58130588	Ngô Hoàng Thanh	Ngân	25/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
24	58130589	Ngô Thị Minh	Ngân	01/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
25	58133153	Võ Thị Bích	Nguyệt	09/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
26	58130597	Võ Đặng Phương	Nhi	17/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
27	58130600	Huỳnh Thị Hiệp	Nhung	28/02/1998	Đắk Nông	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020

Handwritten signature



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
28	58130601	Nguyễn Thị Nhung	19/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
29	58130585	Dương Thị Yến	01/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
30	58130602	Nguyễn Trần Hoàng	27/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
31	58130604	Phạm Thị Hồng	20/04/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
32	58130605	Nguyễn Thị Kim	15/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
33	58132843	Bùi Xuân	23/09/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.MARKT	2016-2020
34	58130610	Âu Thị Nhật	05/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
35	58130612	Trần Thị Thúy	23/08/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
36	58131027	Phạm Như	30/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
37	58130621	Nguyễn Hoàng Nguyên	17/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
38	58132799	Bùi Phương	22/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
39	58130622	Phạm Huỳnh	18/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.MARKT	2016-2020
40	58130624	Hồ Văn	15/07/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	58.MARKT	2016-2020
41	58131160	Võ Thị Minh	16/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
42	58130626	Biện Thị Bảo	17/12/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
43	58130627	Lê Thị Ngọc	18/10/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
44	58130631	Trần Ngọc Bảo	05/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
45	58133155	Nguyễn Thị Ngọc	22/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
46	58130635	Vũ Thanh	29/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
47	58130618	La Quốc	08/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.MARKT	2016-2020

Danh sách có 47 sinh viên

4. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55134446	Trình Xuân Trọng	01/10/1995	Đắk Lắk	Nam	Giỏi	55.QTKD-2	2013-2017
2	57130760	Trần Vũ Bằng	09/11/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.QTKD-1	2015-2019
3	57131905	Lê Thị Thu Hồng	22/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
4	57132549	Phạm Thị Hồng Hưng	13/02/1997	Ninh Thuận	Nữ	Giỏi	57.QTKD-1	2015-2019
5	57130077	Lê Thị Diệu Linh	24/01/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
6	57131990	Lê Thị Hà Nhi	20/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
7	57130083	Bùi Hoàng Phúc	20/03/1997	Nghệ An	Nam	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
8	57130383	Lê Thị Thảo	28/09/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
9	57131308	Đinh Thị Nhật Tuyết	20/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
10	57131531	Nguyễn Thị Thảo Uyên	15/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	57.QTKD-2	2015-2019
11	57132107	Phan Thị Tường Vi	09/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
12	58133072	Nguyễn Tống Quỳnh Anh	07/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
13	58130204	Lê Thị Thanh Chi	26/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.QTKD-1	2016-2020
14	58130208	Trần Thị Doan	20/01/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
15	58130209	Nguyễn Quốc Dũng	20/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
16	58130219	Trần Thị Cẩm Duyên	25/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
17	58135216	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
18	58130227	Nguyễn Diệu Hằng	03/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-1	2016-2020
19	58130236	Võ Khôi Thực Hiền	05/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
20	58130245	Phạm Văn Hưng	20/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
21	58130244	Đinh Thị Thu Huyền	10/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-1	2016-2020
22	58130247	Võ Ngọc Kiên	26/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020

Handwritten signature



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
23	58130251	Lê Thị Lan	07/04/1998	Thanh Hóa	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
24	58130256	Phạm Văn Lực	01/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
25	58130261	Mai Thị Thanh Mỹ	01/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
26	58130265	Trần Trung Nghĩa	20/05/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
27	58135269	Trần Bảo Ngọc	08/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-1	2016-2020
28	58130271	Đỗ Thị Minh Nguyệt	19/04/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
29	58133107	Nguyễn Thành Nhân	12/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
30	58130276	Nguyễn Thị Xuân Nhi	15/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
31	58130718	Tô Văn Pháp	24/02/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
32	58130110	Nguyễn Thị Bích Phượng	15/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
33	58130285	Lê Trung Quốc	14/10/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
34	58130288	Phan Thị Như Quỳnh	19/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
35	58133132	Huỳnh Thị Như Tâm	02/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
36	58130133	Đinh Thị Xuân Thanh	14/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
37	58130309	Trần Thị Thu Thảo	12/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
38	58130310	Trần Thị Minh Thi	12/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
39	58133406	Dương Thị Mỹ Tho	10/12/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
40	58130324	Trần Ngọc Anh Thư	03/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
41	58130322	Trương Thị Hồng Thủy	17/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-1	2016-2020
42	58133120	Dương Duy Toàn	01/04/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
43	58130330	Nguyễn Thị Thùy Trang	25/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
44	58130336	Đặng Minh Trí	07/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
45	58130296	Lê Thị Cẩm Tú	20/12/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
46	58130299	Phạm Kiều Tuấn	05/02/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58.QTKD-1	2016-2020
47	58130342	Ngô Thị Kiều Vân	18/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.QTKD-1	2016-2020
48	58130343	Huỳnh Ái Vi	10/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.QTKD-1	2016-2020
49	58130345	Huỳnh Vũ	12/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
50	58130347	Nguyễn Hoàng Tường Vy	28/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
51	58130202	Võ Thị Hồng Bích	15/08/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
52	58130205	Nguyễn Thị Kim Chi	12/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
53	58133127	Đinh Tiến Đạt	20/08/1998	Lâm Đồng	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
54	58130210	Nguyễn Văn Dũng	28/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
55	58130214	Nguyễn Thị Kiều Duyên	02/09/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
56	58130218	Trần Hồ Mỹ Duyên	13/04/1998	Quảng Trị	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
57	58130663	Nguyễn Quế Giang	13/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
58	58130233	Lê Thị Mỹ Hiền	21/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
59	58130235	Trương Thị Hiền	08/07/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
60	58130242	Trần Thị Xuân Huệ	05/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
61	58130243	Phan Đức Huy	20/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
62	58130250	Nguyễn Văn Khoa	02/04/1995	Phú Yên	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
63	58130262	Nguyễn Thị Kiều Nga	06/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
64	58130268	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	29/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
65	58130707	Nguyễn Bảo Ngọc	04/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
66	58130272	Nguyễn Minh Nguyệt	17/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
67	58130273	Nguyễn Thanh Nhân	19/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020

Handwritten signature.



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
68	58133131	Phạm Thị	Nữ	02/08/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
69	58130280	Nguyễn Thái Hùng	Phi	15/07/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
70	58130292	Lê Thị Thanh	Tâm	31/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
71	58135290	Hoàng Thị Thanh	Tâm	16/04/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
72	58130303	Nguyễn Hàng Minh	Thái	20/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
73	58130304	Huỳnh Ngọc Phương	Thanh	13/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
74	58130308	Nguyễn Thanh	Thảo	12/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
75	58133133	Nguyễn Đình Ngọc	Thảo	07/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
76	58130311	Nguyễn Đức	Thiện	07/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
77	58133134	Lê Minh	Thông	02/06/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
78	58130615	Võ Thành	Tiến	23/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.QTKD-2	2016-2020
79	58130328	Nguyễn Thị Thu	Trà	17/11/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
80	58130335	Trần Thị Huyền	Trân	01/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
81	58130331	Phạm Thị Thùy	Trang	16/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
82	58130337	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	11/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
83	58130338	Ngô Thị Mỹ	Trúc	19/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
84	58130339	Võ Thị Thanh	Trúc	15/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-2	2016-2020
85	58130297	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	30/03/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
86	58130301	Phạm Quốc	Tùng	01/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
87	58131107	Nguyễn Phan Thị Bích	Vân	13/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
88	58130344	Phan Thị Diệu	Viên	16/08/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
89	58130346	Lê Nguyễn Tường	Vy	21/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
90	58130349	Trần Thị Thanh	Xuân	15/01/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020

Danh sách có 90 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
Theo Quyết định số 1134 /QĐ-ĐHNT ngày 22 tháng 9 năm 2020
Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160584	Trương Bảo My	Nữ	31/05/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.KDTM	2015-2018
2	58161208	Trịnh Thị Mỹ Duyên	Nữ	23/03/1997	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
3	58160613	Lê Nữ Bích Hằng	Nữ	03/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
4	59136034	Nguyễn Thanh Danh	Nam	22/07/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
5	59160069	Võ Thị Mỹ Hoa	Nữ	21/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KDTM-1	2017-2020
6	59160093	Nguyễn Xuân Huy	Nam	30/08/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
7	59160137	Lê Thị Diễm My	Nữ	01/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KDTM-1	2017-2020
8	59161797	Nguyễn Thị Y Phụng	Nữ	10/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
9	59169361	Viên Ngọc Sơn	Nam	07/01/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
10	59160234	Trần Hoàng Anh Thư	Nữ	26/04/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59C.KDTM-1	2017-2020
11	59160247	Nguyễn Hoài Thương	Nữ	10/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
12	59160258	Nguyễn Lê Ngọc Tiên	Nữ	14/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
13	59160303	Trần Thị Nhã Vy	Nữ	14/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
14	59160307	Huỳnh Ngọc Yến	Nữ	25/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
15	59160037	Nguyễn Thị Kim Đồng	Nữ	21/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020

Handwritten signature



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
16	59130587	Trần Thị Hằng	20/08/1999	Ninh Bình	Nữ	Khá	59C.KDTM-2	2017-2020
17	59169097	Nguyễn Quốc Hưng	13/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
18	59160110	Đặng Thị Kim	06/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
19	59169111	Lê Thị Kim Lài	13/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KDTM-2	2017-2020
20	59160132	Lê Thị Ly	20/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59C.KDTM-2	2017-2020
21	59160164	Nguyễn Thị Tố Như	26/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
22	59160194	Đỗ Thanh Quyên	18/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
23	59160198	Huỳnh Thị Trúc Quỳnh	03/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KDTM-2	2017-2020
24	59160201	Huỳnh Nhật Quỳnh	24/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
25	59160222	Huỳnh Thị Thu Thảo	09/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
26	59160224	Phạm Hoàng Phương Thảo	13/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
27	59169408	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
28	59169233	Ngô Thị Tình	15/04/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59C.KDTM-2	2017-2020
29	59160289	Ngô Thị Lan Uyên	23/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020

Danh sách có 29 sinh viên

2. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160086	Hàng Thị Bích Ngọc	24/06/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-1	2015-2018
2	57160750	Phạm Mai Như Quỳnh	16/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-2	2015-2018
3	57160878	Bùi Thị Kim Thoa	03/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.QTKD-2	2015-2018

Danh sách có 03 sinh viên